

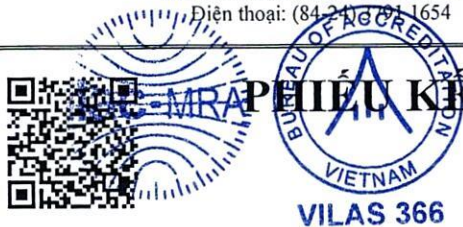


VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)



Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203

ISO/IEC 17025:2017



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02448/2026/PKQ (1126.01W2602.1029)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Chi nhánh Công ty TNHH MTV dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS
Địa chỉ : Tầng 1 Nơ 1A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội, Việt Nam
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất
Số lượng mẫu : 01
Thời gian nhận mẫu : 11/02/2026
Thời gian thử nghiệm : 11/02/2026 - 02/03/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	0,0055	0,01
4.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,22	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,46	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	0,14	1
10.	Permanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186: 1996	0,96	2

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2602.1029: Mẫu nước sạch tại vòi vào bể ngầm biệt thự B10- BT04, Trạm cấp nước Việt Hưng

- (a): Thông số được Vilas công nhận;
- Mẫu do khách hàng mang đến.

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Đặng Xuân Tiến

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2026

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh





VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)



Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203

ISO/IEC 17025:2017



VILAS 366

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02447/2026/PKQ (1126.01W2602.1028)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Chi nhánh Công ty TNHH MTV dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS
Địa chỉ : Tầng 1 Nơ 1A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội, Việt Nam
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất
Số lượng mẫu : 01
Thời gian nhận mẫu : 11/02/2026
Thời gian thử nghiệm : 11/02/2026 - 02/03/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	0,0062	0,01
4.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,21	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 &2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,47	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	0,12	1
10.	Permanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186: 1996	1,09	2

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2602.1028: Mẫu nước sạch tại vòi bể ngầm chung cư H1, Trạm cấp nước Việt Hưng

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

- Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

QA/QC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Vũ Văn Tú

Đặng Xuân Tiến



Nguyễn Quang Ninh





VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02446/2026/PKQ (1126.01W2602.1027)

VILAS 366

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Chi nhánh Công ty TNHH MTV dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS
Địa chỉ : Tầng 1 Nơ 1A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội, Việt Nam
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất
Số lượng mẫu : 01
Thời gian nhận mẫu : 11/02/2026
Thời gian thử nghiệm : 11/02/2026 - 02/03/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	0,0017	0,01
4.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,26	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	1,72	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,36	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	0,02	1
10.	Permanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186: 1996	1,02	2

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- **QCVN 01-1:2024/BYT**: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- **01W2602.1027**: Mẫu nước sạch tại vòi bơm cấp II, Trạm cấp nước Việt Hưng

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

- Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Đặng Xuân Tiến

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh





PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VILAS 366

Số: 02445/2026/PKQ (1126.01W2602.1026)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Chi nhánh Công ty TNHH MTV dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS
Địa chỉ : Tầng 1 Nơ 1A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội,
Việt Nam
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất
Số lượng mẫu : 01
Thời gian nhận mẫu : 11/02/2026
Thời gian thử nghiệm : 11/02/2026 - 02/03/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	0,0013	0,01
4.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,23	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,25	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
10.	Permanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186: 1996	0,9	2



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2602.1026: Mẫu nước sạch tại đường ống mạng cạnh chung cư Nơ 10 BD Linh Đàm, Trạm cấp nước Linh Đàm

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

- Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

QA/QC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Vũ Văn Tú

Đậu Xuân Tiến



Nguyễn Quang Ninh





VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)



Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1203 Fax: (84-24) 3791 1203

ISO/IEC 17025:2017



VILAS 366

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02444/2026/PKQ (1126.01W2602.1025)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Chi nhánh Công ty TNHH MTV dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS
Địa chỉ : Tầng 1 Nơ 1A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội, Việt Nam
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất
Số lượng mẫu : 01
Thời gian nhận mẫu : 11/02/2026
Thời gian thử nghiệm : 11/02/2026 - 02/03/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	0,0013	0,01
4.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,21	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,42	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179- 1: 1996	<0,01	1
10.	Permanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186: 1996	0,83	2

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2602.1025: Mẫu nước sạch tại vòi vào bể ngầm trạm Y tế phường Đại Kim, Trạm cấp nước Linh Đàm

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

- Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

QA/QC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Vũ Văn Tú

Đặng Xuân Tiến



Nguyễn Quang Ninh



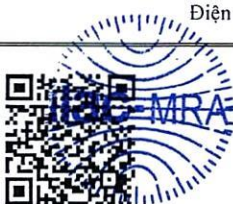


VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)



Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203

ISO/IEC 17025:2017



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02443/2026/PKQ (1126.01W2602.1023)

VILAS 366

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Chi nhánh Công ty TNHH MTV dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS
Địa chỉ : Tầng 1 Nơ 1A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội, Việt Nam
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất
Số lượng mẫu : 01
Thời gian nhận mẫu : 11/02/2026
Thời gian thử nghiệm : 11/02/2026 - 02/03/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	0,0062	0,01
4.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,29	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,71	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
10.	Permanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186: 1996	1,15	2

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2602.1023: Mẫu nước sạch tại vòi bơm cấp II, Trạm cấp nước Linh Đàm

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

- Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

QA/QC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Vũ Văn Tú

Đặng Xuân Tiến



Nguyễn Quang Ninh





PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02442/2026/PKQ (1126.01W2602.1022)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Chi nhánh Công ty TNHH MTV dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS
Địa chỉ : Tầng 1 Nơ 1A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội, Việt Nam
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất
Số lượng mẫu : 01
Thời gian nhận mẫu : 11/02/2026
Thời gian thử nghiệm : 11/02/2026 - 02/03/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	0,0032	0,01
4.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,24	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,71	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
10.	Permanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186: 1996	0,96	2

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2602.1022: Mẫu nước sạch tại vòi trước đồng hồ tổng vào chung cư Nơ 20, Trạm cấp nước Pháp Vân

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

- Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

QA/QC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Vũ Văn Tú

Đậu Xuân Tiến



Nguyễn Quang Ninh





VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02441/2026/PKQ (1126.01W2602.1021)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm: Công ty TNHH MTV dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS
Địa chỉ: Tầng 1 Nơ 1A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội, Việt Nam
Loại mẫu: Nước sạch
Tình trạng mẫu: Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất
Số lượng mẫu: 01
Thời gian nhận mẫu: 11/02/2026
Thời gian thử nghiệm: 11/02/2026 - 02/03/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	0,0033	0,01
4.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,22	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,68	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
10.	Permanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186: 1996	0,9	2

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- **QCVN 01-1:2024/BYT**: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- **01W2602.1021**: Mẫu nước sạch tại vòi vào bể ngầm trường Mầm non Ánh Sao, Trạm cấp nước Pháp Vân

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

- Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Đặng Xuân Tiến

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh





VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02440/2026/PKQ (1126.01W2602.1020)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm: Công ty TNHH MTV dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS
Địa chỉ: Tầng 1 Nơ 1A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội, Việt Nam
Loại mẫu: Nước sạch
Tình trạng mẫu: Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất
Số lượng mẫu: 01
Thời gian nhận mẫu: 11/02/2026
Thời gian thử nghiệm: 11/02/2026 - 02/03/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	0,0035	0,01
4.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,27	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,79	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
10.	Permanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186: 1996	0,9	2

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2602.1020: Mẫu nước sạch tại vòi bơm cấp II, Trạm cấp nước Pháp Vân

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

- Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

QA/QC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Vũ Văn Tú

Đặng Xuân Tiến



Nguyễn Quang Ninh



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



Địa chỉ: P800, nhà A33, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203

ISO/IEC 17025:2017



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02439/2026/PKQ (1126.01W2602.1019)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Chi nhánh Công ty TNHH MTV dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS
Địa chỉ : Tầng 1 Nơ 1A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội,
Việt Nam
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất
Số lượng mẫu : 01
Thời gian nhận mẫu : 11/02/2026
Thời gian thử nghiệm : 11/02/2026 - 02/03/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	0,0067	0,01
4.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,21	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,55	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
10.	Permanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186: 1996	0,96	2

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2602.1019: Mẫu nước sạch trên tuyến ống số 3 Định Công, trạm cấp nước Định Công

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

- Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Đặng Xuân Tiến

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh





PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02438/2026/PKQ (1126.01W2602.1018)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Chi nhánh Công ty TNHH MTV dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS
Địa chỉ : Tầng 1 Nơ 1A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội,
Việt Nam
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất
Số lượng mẫu : 01
Thời gian nhận mẫu : 11/02/2026
Thời gian thử nghiệm : 11/02/2026 - 02/03/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	0,0066	0,01
4.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,22	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 &2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,53	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
10.	Permanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186: 1996	0,9	2

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2602.1018: Mẫu nước sạch trên tuyến ống số 8 Định Công, trạm cấp nước Định Công

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

- Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Đặng Xuân Tiến

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh





VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)



Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203

ISO/IEC 17025:2017



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02437/2026/PKQ (1126.01W2602.1017)

VILAS 366

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Chi nhánh Công ty TNHH MTV dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS
Địa chỉ : Tầng 1 Nơ 1A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội,
Việt Nam
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất
Số lượng mẫu : 01
Thời gian nhận mẫu : 11/02/2026
Thời gian thử nghiệm : 11/02/2026 - 02/03/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	0,0072	0,01
4.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,28	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 &2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,5	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
10.	Permanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186: 1996	1,02	2

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- **QCVN 01-1:2024/BYT**: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- **01W2602.1017**: Mẫu nước sạch tại vòi bơm cấp II, trạm cấp nước Định Công

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

- Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

QA/QC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Vũ Văn Tú

Đặng Xuân Tiến



Nguyễn Quang Ninh

